

Số: 05 /CV-TASADH - 2014

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD  
hợp nhất Quý IV/2013 )

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.614.018. FAX: 0313.614.016

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	Quý IV/2013	Quý IV/2012	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.669.464.234	54.103.057.532	(8.433.593.298)	-15,59%
Giá vốn hàng bán	35.409.135.213	40.456.356.695	(5.047.221.482)	-12,48%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.260.329.021	13.646.700.837	(3.386.371.816)	-24,81%
Chi phí tài chính	1.698.872.296	1.929.064.206	(230.191.910)	-11,93%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.519.736.610	3.359.040.647	160.695.963	4,78%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.182.508.806	8.650.224.340	(1.468.735.973)	-16,97%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.661.515.850	7.573.636.507	(1.912.885.987)	-25,25%

\* Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý IV/2013 giảm 25.25% so với cùng kỳ năm trước do nguyên nhân:

+ Doanh thu giảm so với cùng kỳ 15.59%.

+ Quý IV/2012 lợi nhuận tăng vọt do Công ty có thêm mặt hàng xuất khẩu giấy để sang Đài Loan, kinh doanh mua và bán được lô xe của chi cục thi hành án Ba Đình, Hà nội. Một số khoản chi phí đã hạch toán trong năm 2011 được hạch toán giảm trong quý IV/2012 do chính sách của Nhà nước như giảm tiền thuê đất, giảm tiền 30% thuế thu nhập doanh nghiệp. Quý IV/2013 không có được những lợi thế này.



Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Bùi Chí Hùng*



**CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**  
Địa chỉ: Số 189 đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**HỢP NHẤT**  
**QUÝ IV NĂM 2013**

Tháng 01 năm 2014

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## QUÝ IV NĂM 2013

### MỤC LỤC

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	<i>1-2</i>
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	<i>3-4</i>
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	<i>5</i>
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	<i>6-32</i>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>69.663.326.953</b>	<b>69.460.931.553</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.878.646.806</b>	<b>9.064.540.781</b>
1. Tiền	111	V.01	11.878.646.806	9.064.540.781
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.877.823.885</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.877.823.885	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	V.02	<b>28.765.042.294</b>	<b>33.094.982.690</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02a	22.249.149.697	26.410.293.160
2. Trả trước cho người bán	132		540.000.000	1.713.486.766
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	V.02b	6.363.127.688	5.358.437.855
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.02c	(387.235.091)	(387.235.091)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.944.479.130</b>	<b>18.899.323.239</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.03a	13.661.859.130	18.899.323.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.03b	(717.380.000)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.197.334.838</b>	<b>8.402.084.843</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		842.451.545	931.231.761
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152	V.04	1.285.988.870	1.361.658.389
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		93.852.232	56.347.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.975.042.191	6.052.846.922
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>174.160.488.438</b>	<b>172.264.954.926</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>144.993.081.260</b>	<b>137.756.590.242</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	134.097.452.692	122.426.163.809
- Nguyên giá	222		200.630.537.726	179.567.304.555
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(66.533.085.034)	(57.141.140.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.178.111.460	1.352.646.492
- Nguyên giá	225		1.396.280.250	1.396.280.250
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(218.168.790)	(43.633.758)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	8.854.947.445	9.295.078.741
- Nguyên giá	228		12.387.601.422	12.452.566.422
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.532.653.977)	(3.157.487.681)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	862.569.663	4.682.701.200
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.375.282.072</b>	<b>3.841.979.556</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.166.517.562	3.758.966.813
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		208.764.510	83.012.743
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.10	<b>25.792.125.106</b>	<b>30.666.385.128</b>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>243.823.815.391</b>	<b>241.725.886.479</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>73.040.690.471</b>	<b>77.808.659.132</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.862.382.067</b>	<b>65.227.784.025</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	45.021.331.170	43.312.060.826
2. Phải trả người bán	312	V.12	4.393.321.707	10.133.406.595
3. Người mua trả tiền trước	313		193.524.567	1.833.932.670
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	4.749.262.014	3.010.401.632
5. Phải trả người lao động	315		1.608.457.156	1.599.145.064
6. Chi phí phải trả	316	V.14	181.448.961	1.704.322.525
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	4.672.314.425	3.015.658.132
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		42.722.067	618.856.581
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.178.308.404</b>	<b>12.580.875.107</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.794.921.582	1.794.234.782
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	9.383.386.822	10.786.640.325
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>163.956.703.946</b>	<b>157.137.062.825</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>163.956.703.946</b>	<b>157.137.062.825</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.700.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.130.359.500	9.615.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.524.789.900)	(2.224.776.400)
4. Quỹ dự phòng tài chính	417		2.610.016.874	2.474.329.995
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.041.117.472	18.572.149.730
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>6.826.420.975</b>	<b>6.780.164.522</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>243.823.815.391</b>	<b>241.725.886.479</b>

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Chủ tịch HĐQT

Bùi Chí Hùng



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2013

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
		2013	2012	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	45.669.464.234	54.103.057.532	185.819.272.202	152.387.613.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.19	-	-	-	57.285.804
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.20	45.669.464.234	54.103.057.532	185.819.272.202	152.330.327.318
4. Giá vốn hàng bán	VI.21	35.409.135.213	40.456.356.695	139.264.600.786	107.356.904.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.260.329.021	13.646.700.837	46.554.671.416	44.973.422.702
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.22	1.835.190.842	134.954.830	2.325.666.497	287.098.866
7. Chi phí tài chính	VI.23	1.698.872.296	1.929.064.206	6.929.254.333	9.012.182.368
- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.621.200.946	1.929.063.041	6.851.582.983	9.010.824.817
8. Chi phí bán hàng		-	-	100.866.940	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.519.736.610	3.359.040.647	13.397.073.961	13.820.081.387
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.876.910.957	8.493.550.814	28.453.142.679	22.428.257.813
11. Thu nhập khác		1.139.023.405	3.387.425.515	9.520.503.493	3.982.357.159
12. Chi phí khác		833.425.556	3.230.751.989	7.396.417.480	3.869.888.215
13. Lợi nhuận khác		305.597.849	156.673.526	2.124.086.013	112.468.944
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.182.508.806	8.650.224.340	30.577.228.692	22.540.726.757
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.24	1.498.861.306	1.081.536.963	6.278.805.076	3.192.143.847
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(22.131.649)	4.949.130	208.764.510	83.012.743

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
		2013	2012	2013	2012
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.661.515.850	7.573.636.507	24.507.188.126	19.431.595.653
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(126.002.693)	164.218.072	293.968.276	395.452.698
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		5.787.518.544	7.409.418.435	24.213.219.850	19.036.142.955
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.26	446	592	1.921	1.517

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

**Người lập**



**Hoàng Thị Ngọc Lan**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thu Thủy**

**Chủ tịch HĐQT**



**Bùi Chí Hùng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	382.176.609.142	358.328.864.838
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(310.029.922.244)	(280.065.082.827)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.809.131.829)	(20.324.156.597)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.979.963.722)	(8.581.389.995)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.449.379.920)	(2.572.461.021)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	174.646.421.750	230.464.895.421
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(193.583.079.175)	(250.556.178.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>20.971.554.002</b>	<b>26.694.491.793</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(38.078.721.510)	(20.143.537.254)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	6.246.473.502	10.516.372.978
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.873.223.865	20.637.320.233
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.040.975.857</b>	<b>11.010.155.957</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
2. Tiền chi trả mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(428.013.500)	(982.776.400)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	192.356.666.066	176.500.486.892
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(194.630.255.223)	(197.259.192.842)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(735.320.152)	(451.006.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.761.501.025)	(11.521.530.809)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(19.198.423.834)</b>	<b>(33.714.019.159)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.814.106.025</b>	<b>3.990.628.591</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9.064.540.781</b>	<b>5.073.912.190</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11.878.646.806</b>	<b>9.064.540.781</b>

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch HĐQT



Bùi Chí Hùng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2013

### I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

#### 1. Thông tin chung về doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty: 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải, kho bãi

4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ
1. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99,68%
2. Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	100,00%
3. Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	99,35%
4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	99,00%
5. Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	100,00%
6. Công ty TNHH Container Minh Thành	75,83%
7. Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	100,00%

#### • Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.



• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 11 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 10 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 03 tháng 09 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu vận tải hàng hóa bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ, bán buôn hàng mỹ phẩm. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.



• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Kỷ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 31/12/2013.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

**IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

*Công ty con:*

179  
NG  
PH  
V T  
NG  
H  
H



Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

***Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:***

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*****2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền***

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

***2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:***

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:*** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:*** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

***Nguyên tắc ghi nhận:*** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

##### **6.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:



- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

## **6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{tồn thất các} \\ \text{khoản đầu tư} \\ \text{tài chính} \end{array} = \left[ \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của} \\ \text{các bên tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức kinh tế}}$$

## **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## **10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.**

**11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**11.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

**Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

## 13. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).



Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 là 25%

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính:**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **15. Công cụ tài chính**

#### **Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày**

##### **Tài sản tài chính:**

Theo thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

##### **Nợ phải trả tài chính:**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản nợ phải trả người bán và các khoản phải trả khác, vay và nợ vay.

#### **Giá trị sau khi ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ đồng thời.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	31/12/2012
<b>Tiền mặt</b>	<b>998.210.602</b>	<b>1.714.931.593</b>
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	715.221.852	1.313.963.501
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	61.267.998	43.198.762
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	23.454.753	4.966.992
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	5.300.217	10.552.991
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	98.134.593	26.773.766
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	15.152.483	64.837.002
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	78.653.520	146.001.846
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.025.186	104.636.733
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>10.879.415.765</b>	<b>7.349.609.188</b>
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	7.822.079.532	3.600.205.655
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	101.589.452	53.920.638
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.066.965.679	651.629.167
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	246.025.796	1.298.931.629
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	181.381.189	1.231.492.969
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	23.411.899	101.632.725
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	3.049.821	25.517.643
Công ty TNHH Container Minh Thành	435.932.836	386.278.762
<b>Cộng:</b>	<b>11.878.646.806</b>	<b>9.064.540.781</b>

**02a. Phải thu khách hàng**

	31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.975.128.079	1.513.302.682
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	542.573.413	4.734.444.625
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	14.295.881.490	12.865.436.649
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.046.094.807	2.458.330.233
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.154.372.769	3.331.895.876
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	574.260.715	623.881.129
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	136.402.612	156.295.354
Công ty TNHH Container Minh Thành	524.435.812	726.706.612
<b>Cộng:</b>	<b>22.249.149.697</b>	<b>26.410.293.160</b>

**02b. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2013	31/12/2012
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	93.286.141	206.237.435

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	82.923.022	413.333.805
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.070.430.803	2.459.000.308
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.498.262.793	807.891.863
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.880.000	609.387.000
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	230.089.332	278.778.519
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	446.360.345
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.385.255.597	137.448.580
<b>Cộng:</b>	<b>6.363.127.688</b>	<b>5.358.437.855</b>

**02c. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</b>		
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	(387.235.091)	(387.235.091)
<b>Cộng:</b>	<b>(387.235.091)</b>	<b>(387.235.091)</b>

**03a. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>2.740.004.720</b>	<b>3.385.875.534</b>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	2.279.882.000	3.282.446.072
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	19.081.468	29.954.360
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	441.041.252	73.475.102
<b>Công cụ, dụng cụ</b>	<b>35.504.547</b>	<b>35.504.547</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	35.504.547	35.504.547
<b>Chi phí SXKD dở dang</b>	<b>71.064.199</b>	<b>408.476.181</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	71.064.199	408.476.181
<b>Hàng hoá</b>	<b>10.815.285.664</b>	<b>15.069.466.977</b>
Cty cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải	5.473.524.606	7.410.634.953
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải		497.777.777
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	136.173.282	2.755.681.139
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	437.218.352	999.871.909
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.876.382.572	2.436.122.975
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	692.473.251	769.864.623
Công ty TNHH Container Minh Thành	199.513.601	199.513.601
<b>Cộng:</b>	<b>13.661.859.130</b>	<b>18.899.323.239</b>

**03b. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	(637.380.000)	-
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	(80.000.000)	-
<b>Cộng:</b>	<b>(717.380.000)</b>	<b>-</b>



**04. Thuế GTGT còn được khấu trừ**

	31/12/2013	31/12/2012
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	18.100.727	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	510.115.692	60.252.508
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	757.772.451	1.152.325.418
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	149.080.463
<b>Cộng:</b>	<b>1.285.988.870</b>	<b>1.361.658.389</b>

**05. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

	31/12/2013	31/12/2012
<b>I. Nguyên giá tài sản cố định</b>	<b>200.630.537.726</b>	<b>179.567.304.555</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	102.387.690.847	89.428.220.930
Máy móc thiết bị	29.271.016.646	32.569.350.265
Phương tiện vận tải	67.233.889.073	56.023.671.741
Tài sản cố định khác	1.737.941.160	1.546.061.619
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>	<b>66.533.085.034</b>	<b>57.141.140.746</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	25.555.960.626	20.033.518.303
Máy móc thiết bị	16.387.263.308	16.533.268.862
Phương tiện vận tải	23.676.847.053	19.690.027.403
Tài sản cố định khác	913.014.047	884.326.178
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>134.097.452.692</b>	<b>122.426.163.809</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	76.831.730.221	69.394.702.627
Máy móc thiết bị	12.883.753.338	16.036.081.403
Phương tiện vận tải	43.557.042.020	36.333.644.338
Tài sản cố định khác	824.927.113	661.735.441

**06. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính**

	31/12/2013	31/12/2012
<b>I. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>1.396.280.250</b>	<b>1.396.280.250</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.396.280.250	1.396.280.250
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>	<b>218.168.790</b>	<b>43.633.758</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	218.168.790	43.633.758
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>1.178.111.460</b>	<b>1.352.646.492</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.178.111.460	1.352.646.492

**07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	31/12/2013	31/12/2012
<b>I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình</b>	<b>12.387.601.422</b>	<b>12.452.566.422</b>
Quyền sử dụng đất	12.387.601.422	10.593.997.991
Tài sản cố định vô hình khác	-	1.858.568.431
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>	<b>3.532.653.977</b>	<b>3.157.487.681</b>

11/2/13  
 P  
 C/C/02

	31/12/2013	31/12/2012
Quyền sử dụng đất	3.532.653.977	2.023.903.000
Tài sản cố định vô hình khác	-	1.133.584.681
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>8.854.947.445</b>	<b>9.295.078.741</b>
Quyền sử dụng đất	8.854.947.445	8.570.094.991
Tài sản cố định vô hình khác	-	724.983.750

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2013	31/12/2012
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	674.935.504
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	862.569.663	995.578.960
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	455.681.648
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	2.556.505.088
<b>Cộng:</b>	<b>862.569.663</b>	<b>4.682.701.200</b>

**09. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2013	31/12/2012
<b>- Chi phí công cụ dụng cụ</b>		
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	505.221.050	42.609.613
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	259.784.569	12.254.173
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	564.449.215	596.710.997
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	892.343.637	1.391.886.748
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	499.684.418	236.109.518
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	30.808.930	306.703.981
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	138.153.591	260.692.370
Công ty TNHH Container Minh Thành	276.072.152	911.999.413
<b>Cộng:</b>	<b>3.166.517.562</b>	<b>3.758.966.813</b>

**10. Lợi thế thương mại**

	31/12/2013	31/12/2012
<b>- Lợi thế thương mại</b>	25.792.125.106	30.666.385.128
<b>Cộng:</b>	<b>25.792.125.106</b>	<b>30.666.385.128</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (1*)	3.051.737.376	939.163.418
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (2*)	9.462.692.174	6.903.382.131
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (3*)	12.701.247.019	11.111.229.807
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải (4*)	9.953.761.676	8.174.097.866
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (5*)	7.981.892.925	6.551.032.362
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	4.971.161.939
Công ty TNHH Container Minh Thành (6*)	1.870.000.000	4.661.993.303



	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Cộng:	<b>45.021.331.170</b>	<b>43.312.060.826</b>

(1\*) Khoản vay: 2.051.737.376 đồng là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-CN Đông Hải Phòng theo hợp đồng số : 2285181.001/2012/HĐTD ngày 26/12/2012, lãi suất vay tùy thời điểm hiện tại 9%/năm. Thế chấp là 10 xe ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu Trung Quốc và 01 xe cần trục bánh lốp TADANO và 01 cần trục bánh lốp KATO.

Khoản vay : 1.000.000.000 đồng của Đặng Hồng Quân theo hợp đồng ngày 05 tháng 02 năm 2013. Tin chấp

(2\*). Khoản vay : 7.827.731.821 đồng Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 1171159.001/2012/HĐTD ngày 25/09/2012 với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay được đảm bảo bằng 22 Xe ô tô đầu kéo, 12 xe rơ moóc chuyên dùng, quyền sử dụng đất của căn nhà số 219 Lạch Tray, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải Phòng, 01 xe 04 chỗ Mercedes.

Khoản vay : 1.634.960.353 đồng Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Ngô Quyền theo HĐ số: 02/2013-HĐTDHM/NHCT168-ĐBDH ký ngày 16/09/2013, lãi xuất theo thời điểm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất phòng 212 nhà N3A khu đô thị Trung hòa Nhân chính, thanh Xuân, Hà Nội.

(3\*) Khoản vay của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 1716296.003/2013/HĐTD ngày 02/08/2013 với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ nhà xưởng, hệ thống kho bãi, văn phòng, các công trình kiến trúc trên diện tích 9,024 m2 tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. 01 xe ACURA 07 chỗ, 02 xe nâng 45 tấn Thụy Điển SX tại Trung Quốc.

(4\*) Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTDHM ngày 01/03/2013 với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc được Công ty xây dựng trên diện tích đất 19.990 m2 tại Km 104 + 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(5\*) Khoản vay của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐ ngày 21/06/2013 với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ nhà cửa, kho, sân bãi container trên diện tích đất thuê của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ và 01 cầu giàn, 01 xe nâng, 01 cần trục 36 tấn, xe đầu kéo 19N 3126, 19N 3120.

(6\*) Khoản vay của Công ty TNHH Container Minh Thành vay của các cá nhân bên ngoài, lãi suất 11%/năm, Tin chấp.

**12. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	70.837.234	90.540.373
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	478.618.519	205.516.207

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	61.600.021	76.127.597
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.545.901.853	3.548.487.677
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.236.364.080	5.880.094.321
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	-
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	63.633
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	332.576.787
<b>Cộng:</b>	<b>4.393.321.707</b>	<b>10.133.406.595</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>- Thuế GTGT</b>	<b>790.585.879</b>	<b>1.067.542.242</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	223.342.308	216.299.700
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	228.729.449	349.792.445
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	164.604.243	304.861.552
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải		148.783.570
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	31.692.456	8.694.038
Công ty TNHH Container Minh Thành	142.217.423	
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải		39.110.937
<b>- Thuế đất</b>	<b>1.066.639.468</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.066.639.468	
<b>- Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.857.174.832</b>	<b>1.933.897.442</b>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	21.652.097	240.613.242
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	578.817.704	430.818.282
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	506.431.640	267.674.825
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.489.630.661	778.575.179
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	260.642.730	127.018.781
Công ty TNHH Container Minh Thành		80.162.216
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		9.034.917
<b>- Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>34.861.835</b>	<b>8.961.948</b>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	13.001.398	1.209.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	228.164	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.225.563	4.227.146
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	3.078.000	360.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	12.043.272	776.627
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	5.285.438	2.389.175
<b>Cộng:</b>	<b>4.749.262.014</b>	<b>3.010.401.632</b>

**14. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	6.375.455
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	131.140.629	494.469.137



	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty TNHH Container Minh Thành	29.974.999	15.583.333
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	1.187.894.600
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	20.333.333	
<b>Cộng:</b>	<b>181.448.961</b>	<b>1.704.322.525</b>

**15. Phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>4.672.314.425</b>	<b>3.015.658.132</b>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	366.115.486	10.564.375
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	392.545.361	303.646.496
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	269.805.061	60.047.213
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	477.568.420	2.180.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	1.318.748.457	889.167.576
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	2.459.520	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.845.072.120	1.750.052.472
<b>Cộng:</b>	<b>4.672.314.425</b>	<b>3.015.658.132</b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>8.648.066.669</b>	<b>9.316.000.020</b>
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải</b>		
<i>Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Đông HP(1*)</i>	-	1.136.000.000
<b>CTy TNHH MTVVTĐa phương thức Duyên Hải Hà Nội</b>		
<i>Ngân hàng NN&amp;PTNT CN Tây Hà Nội (2*)</i>	2.291.666.669	4.125.000.000
<b>Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ</b>		
<i>Ngân hàng TMCP CT Việt Nam CN Hùng Vương (3*)</i>	490.000.000	770.000.000
<b>Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải</b>		
<i>Ngân hàng công thương Ngô Quyền (4*)</i>	5.866.400.000	1.560.000.000
<b>Công ty TNHH SX và Thương mại Duyên Hải</b>		
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển ĐôngHP(5*)</i>	-	1.725.000.020
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>735.320.153</b>	<b>1.470.640.305</b>
<b>Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải</b>		
<i>Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (6*)</i>	735.320.153	1.470.640.305
<b>Cộng:</b>	<b>9.383.386.822</b>	<b>10.786.640.325</b>

(2\*) Khoản vay của Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội là khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 1480-LAV-201200 ngày 08/03/2012 được thế chấp bằng 20 Xe đầu kéo, rơ moóc hiệu Faw Trung Quốc. Lãi suất điều chỉnh theo quý. Thời hạn vay 36 tháng.

(3\*) Khoản vay của Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hùng Vương theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 10.31.001/HĐTD-DAĐT ngày 15/07/2010 được đảm bảo bằng 01 xe cầu 25 tấn bánh lốp nhãn hiệu sản xuất tại Trung Quốc. Lãi suất điều chỉnh theo quý.

(4\*) Khoản vay: 1.170.000.000 đồng công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTC/2012 ngày 08/10/2012. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất theo từng thời điểm vay (12%/năm) , tài sản thế chấp cho khoản vay này là 05 đầu kéo Faw sản xuất tại Trung Quốc.

Khoản vay : 4.696.400.000 đồng Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam –CN Ngô Quyền theo hợp đồng số: 01/PTVT-ĐB/2013 ký ngày 31/07/2013 thế chấp 13 đầu kéo, 12 rơ moóc FAW. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất theo từng thời điểm vay (12%/năm)

(6\*) Khoản vay của Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải thuê vay tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam theo hợp đồng tín dụng số 14.12.08/CTTC ngày 01/10/2012. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất 14.3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 02 đầu kéo và 02 sơ mi rơ moóc sản xuất tại Trung Quốc.



**17. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>		<b>2.742.386.157</b>	<b>9.934.145.195</b>	<b>150.991.890.852</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	640.938.932		640.938.932
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.431.595.653	19.431.595.653
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	2.224.776.400	908.995.094	10.793.591.117	13.927.362.611
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>(2.224.776.400)</b>	<b>2.474.329.995</b>	<b>18.572.149.730</b>	<b>157.137.062.825</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>(2.224.776.400)</b>	<b>2.474.329.995</b>	<b>18.572.149.730</b>	<b>157.137.062.825</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	24.507.188.126	24.507.188.126
Tăng khác	-	-	1.242.000.000	135.686.879	-	1.377.686.879
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	485.000.000-	1.542.013.500	-	17.038.220.384	19.065.233.884
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.130.359.500</b>	<b>(2.524.789.900)</b>	<b>2.610.016.874</b>	<b>26.041.117.472</b>	<b>163.956.703.946</b>

**b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn điều lệ đã góp)**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	78.938.100.000	80.585.480.000
Vốn góp của cổ đông khác	8.206.170.000	5.218.600.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	41.555.730.000	42.895.920.000
<b>Cộng:</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>128.700.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	128.700.000.000	128.700.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	128.700.000.000	128.700.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia trong đó:	15.719.452.698	11.785.416.823
- Cổ đông của công ty mẹ	15.324.000.000	11.537.705.000
- Cổ đông thiểu số	395.452.698	247.711.823

**d. Cổ tức**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	12%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

**đ. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<b>12.870.000</b>	<b>12.870.000</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>12.620.000</b>	<b>12.770.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.770.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	<b>250.000</b>	<b>100.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	250.000	100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>12.620.000</b>	<b>12.770.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.770.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu



**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

**18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ IV NĂM 2013	QUÝ IV NĂM 2012
Doanh thu vận tải	18.648.002.368	8.555.672.501
Doanh thu kho CFS	4.807.003.441	4.194.110.770
Doanh thu bãi	5.942.983.730	8.398.396.418
Doanh thu xuất tàu Shipline	568.283.535	1.282.259.692
Doanh thu thương mại, dịch vụ	15.703.191.160	31.672.618.151
<b>Cộng:</b>	<b>45.669.464.234</b>	<b>54.103.057.532</b>

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

-	-
---	---

**20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ IV NĂM 2013	QUÝ IV NĂM 2012
Doanh thu vận tải	18.648.002.368	8.555.672.501
Doanh thu kho CFS	4.807.003.441	4.194.110.770
Doanh thu bãi	5.942.983.730	8.398.396.418
Doanh thu xuất tàu Shipline	568.283.535	1.282.259.692
Doanh thu thương mại, dịch vụ	15.703.191.160	31.672.618.151
<b>Cộng:</b>	<b>45.669.464.234</b>	<b>54.103.057.532</b>

**21. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ**

	QUÝ IV NĂM 2013	QUÝ IV NĂM 2012
Giá vốn vận tải	13.823.993.060	2.686.481.899
Giá vốn kho CFS	3.223.215.117	2.550.368.403
Giá vốn bãi	4.893.530.197	3.457.142.843
Giá vốn xuất tàu Shipline	509.482.892	847.312.059
Giá vốn thương mại, dịch vụ	12.958.913.947	30.915.051.491
<b>Cộng:</b>	<b>35.409.135.213</b>	<b>40.456.356.695</b>

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	QUÝ IV NĂM 2013	QUÝ IV NĂM 2012
Lãi tiền gửi	213.633.108	134.954.830
Chênh lệch tỷ giá	21.557.734	
Doanh thu HĐTC khác	1.600.000.000	
<b>Cộng:</b>	<b>1.835.190.842</b>	<b>134.954.830</b>



**23. Chi phí hoạt động tài chính**

	QUÝ IV NĂM 2013	QUÝ IV NĂM 2012
Lãi tiền vay	1.621.200.946	1.929.063.041
Chênh lệch tỷ giá	77.671.350	1.165
Chi phí hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng:</b>	<b>1.698.872.296</b>	<b>1.929.064.206</b>

**24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	QUÝ IV NĂM 2013	QUÝ IV NĂM 2012
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.498.861.306	
<b>Cộng:</b>	<b>1.498.861.306</b>	-

**25. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	QUÝ IV NĂM 2013	QUÝ IV NĂM 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.848.971.306	9.189.308.439
Chi phí nhân công	3.997.363.997	1.443.490.930
Chi phí Khấu hao TSCĐ	4.288.166.242	4.063.382.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.942.810.348	25.176.941.147
Chi phí bằng tiền khác	331.823.320	583.233.661
<b>Cộng</b>	<b>35.409.135.213</b>	<b>40.456.356.695</b>

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/12/2012
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.507.188.126	19.431.595.653
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.507.188.126	19.431.595.653
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.755.329	12.811.096
+ <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.921</b>	<b>1.517</b>



**27. Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được phân bổ chủ yếu ở 3 khu vực: Hải Phòng, Phú Thọ và Hà Nội. Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

TT	Nội dung	Khu vực địa lý			Tổng cộng
		Hải Phòng	Phú Thọ	Hà Nội	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.593.279.766	80.159.929.681	2.066.062.755	185.819.272.202
2	Giá vốn thương mại và dịch vụ	130.689.713.382	6.745.613.028	1.829.274.376	139.264.600.416
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(27.096.433.616)	73.414.316.653	236.788.379	46.554.671.416
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>					
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.150.403.785	171.863.820	3.398.892	2.325.666.497
5	Chi phí tài chính	5.520.929.928	665.758.993	742.565.412	6.929.254.333
6	Chi phí bán hàng	100.866.940			100.866.940
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.367.481.537	1.543.856.078	485.736.346	13.397.073.961
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(41.935.308.236)	71.376.565.402	(988.114.487)	28.453.142.679
9	Thu nhập khác	3.144.558.946	6.375.944.547	-	9.520.503.493
10	Chi phí khác	3.093.638.034	4.302.779.446		7.396.417.480
11	Lợi nhuận khác	50.920.912	2.073.165.101	-	2.124.086.013
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(41.884.387.324)	73.449.730.503	(988.114.487)	30.577.228.692
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.715.018.816	1.563.786.260		6.278.805.076
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	208.764.510			208.764.510

Lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực 01: Kinh doanh dịch vụ
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh thương mại

Chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

TT	Nội dung	Lĩnh vực		Tổng cộng
		Kinh doanh thương mại	Kinh doanh dịch vụ	

1	Doanh thu thuần về bán hàng, dịch vụ	56.080.891.701	129.738.380.501	185.819.272.202
2	Giá vốn thương mại và dịch vụ	43.996.049.495	95.268.551.291	139.264.600.786
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.084.842.206	34.469.829.210	46.554.671.416
4	<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			
	Doanh thu hoạt động tài chính			2.325.666.497
	Chi phí tài chính			6.929.254.333
	Chi phí bán hàng			100.866.940
	Chi phí quản lý doanh nghiệp			13.397.073.961
	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>28.453.142.679</b>
	Thu nhập khác			9.520.503.493
	Chi phí khác			7.396.417.480
	Lợi nhuận khác			2.124.086.013
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			<b>30.577.228.692</b>
	Chi phí thuế TNDN hiện hành			6.278.805.076
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			208.764.510

#### 27. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

##### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

##### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

##### Rủi ro tín dụng



Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo (Xem tại Mục 12 và 16, phần Thuyết minh).

**28. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)**

Tập đoàn chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.878.646.806	11.878.646.806
Phải thu khách hàng	22.249.149.697	21.861.914.606
Phải thu khác	6.363.127.688	6.363.127.688
<b>Cộng</b>	<b>40.490.924.191</b>	<b>40.103.689.100</b>
	<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	45.021.331.170	45.021.331.170

18/01/2014

Phải trả người bán	4.393.321.707	4.393.321.707
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.672.314.425	4.672.314.425
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả dài hạn khác	2.794.921.582	2.794.921.582
Vay và nợ dài hạn	9.383.386.822	9.383.386.822
<b>Cộng</b>	<b>66.265.275.706</b>	<b>66.265.275.706</b>

**29. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp**

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Tại thời điểm 31/12/2013
a. Bố trí cơ cấu tài sản:	
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	71%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	29%
b. Tỷ suất sinh lợi:	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	13%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	15%
c. Tình hình tài chính:	
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	30%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	5%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	88%

**30. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Đình Chung	Cổ đông lớn

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
- Giá vốn		13.166.926.789
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	8.822.975.065



2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	3.307.831.724
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	1.036.120.000
<b>- Doanh thu</b>			<b>6.237.183.489</b>
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2.219.009.819
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	82.454.249
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2.533.833.948
4	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	2.775.102
5	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	279.966.007
6	Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	9.125.165
7	Công ty TNHH Container MinhThành	Doanh thu dịch vụ	1.110.019.199
<b>- Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>			<b>25.031.426.306</b>
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận	979.477.861
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Lợi nhuận	4.876.218.107
3	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận	3.986.004.363
4	Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận	22.913.474
5	Công ty TNHH Container MinhThành	Lợi nhuận	572.141.694
6	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận	14.594.670.807
<b>- Các khoản phải thu</b>			<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	215.600.000
2	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	9.081.003
3	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công nợ phải thu	2.600.000
4	Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Công nợ phải thu	436.645.989
<b>Cộng</b>			<b>663.926.992</b>
<b>- Các khoản phải thu khác</b>			
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	128.560.372
2	Công ty TNHH Container MinhThành	Công nợ phải thu	785.414.097
3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	2.170.096.660
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	309.545.441
5	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải thu	385.265.715
<b>Cộng</b>			<b>3.778.882.285</b>
<b>- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	7.000.000.000
2	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	7.559.500.000
3	Công ty TNHH Container MinhThành	Vay vốn kinh doanh	1.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>16.059.500.000</b>
<b>- Đầu tư tài chính dài hạn</b>			<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
1	Công ty TNHH Container MinhThành	Vay vốn kinh doanh	15.000.000.000
2	CTy TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Vay vốn kinh doanh	10.600.000.000
<b>Cộng</b>			<b>25.600.000.000</b>
<b>- Phải trả người bán</b>			
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải trả	42.064.000

2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải trả	647.344.634
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	794.545.106
<b>Cộng</b>		<b>1.483.953.740</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Tiền vay	13.900.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.900.000.000</b>
<b>Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b>		<b>Từ 01/01/2013</b>
		<b>đến 31/12/2013</b>
Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		<b>735.323.280</b>

## VII. Thông tin khác

### 1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội

### 2. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 27 tháng 01 năm 2014

Chủ tịch HĐQT



Bùi Chí Hùng